TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 214/2026/HNGĐ-ST Ngày: 03-9-2026 “ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng”	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thành Lập;

Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Liếng - Thư ký Tòa án khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 8 và 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 404/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 424/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị Huỳnh N, sinh năm 2001.
Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Võ Thái B, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh N trình bày như sau:

Chị Trương Thị Huỳnh N và anh Võ Thái B cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H ngày 01/10/2020. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp,

không còn quan tâm tới nhau và đã ly thân. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa cho nên chị N yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thái B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thùy L, sinh ngày 02/5/2021, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Thái B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn Võ Thái B đã được Tòa án tống đạt các văn bản hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Thái B là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trương Thị Huỳnh N và anh Võ Thái B ly hôn; giao con chung Võ Thùy L, sinh ngày 02/5/2021 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh Võ Thái B phải cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng mỗi tháng ½ tháng lương tối thiểu vùng từ ngày xét xử cho đến khi con chung Võ Thùy L đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Không có tranh chấp về tài sản và nợ nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định đây là vụ kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng" và bị đơn địa chỉ tại ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh N vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Thái B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh B.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh N và anh Võ Thái B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (cũ), tỉnh Đồng Tháp năm 2020. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Chị N yêu cầu ly hôn với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại 02 lần phiên tòa sơ thẩm anh B cũng không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là anh B đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn (anh B nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án), nhưng bị đơn không có ý kiến, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không đến theo giấy triệu tập và văn bản của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Việc khởi kiện yêu cầu ly hôn chị N trình bày vợ chồng đã bất đồng quan điểm và hiện không còn sống chung, nay chị N thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N kiên quyết ly hôn, anh B không có ý kiến gì về yêu cầu của chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Trương Thị Huỳnh N theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị N và anh B có 01 con chung tên Võ Thùy L, sinh ngày 02/5/2021 hiện đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Võ Thùy L hiện đang sống chung với chị N nên giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người con. Theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. 2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".* Chị N là người trực tiếp nuôi con chung nên anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khi giải quyết vụ án, anh B không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, điều này thể hiện hai bên chưa thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung. "*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*" theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn

nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của chị N là có căn cứ để chấp nhận và anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là một nửa tháng lương tối thiểu vùng trên mỗi tháng kể từ ngày xét xử đến khi cháu L được 18 tuổi.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, chị Trương Thị Huỳnh N là người khởi kiện phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng. Anh Võ Thái B phải chịu án phí trên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh N và anh Võ Thái B được ly hôn.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Võ Thùy L, sinh ngày 02/5/2021 cho chị Trương Thị Huỳnh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Thái B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Trương Thị Huỳnh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Võ Thái B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp anh Võ Thái B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trương Thị Huỳnh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Võ Thái B.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Thái B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Thùy L, sinh ngày 02/5/2021 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi người cấp dưỡng đang cư trú tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ ngày 03/9/2026 cho đến khi cháu Võ Thùy L đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

- Trường hợp vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0008877 ngày 28-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Trương Văn H nộp thay). Chị Trương Thị Huỳnh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Thái B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 -tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Dung